

Số: 781/HD-SLĐTBXH

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Kế hoạch 347/KH-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh về bổ sung một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; sau khi thống nhất các nội dung với Sở Tài chính tại Văn bản số 4321/STC-NSHX ngày 04/11/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hướng triển khai thực hiện như sau:

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội

Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, phân loại là hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội.

2. Hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công

- Hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi người có công theo quy định của pháp luật, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, phân loại là hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công;

- Người có công với cách mạng được quy định tại khoản 1, điều 1, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng: Là con, cháu của người cao tuổi và những người khác có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình (bao gồm con đẻ, con nuôi, cháu nội, cháu ngoại và những người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng khác).

4. Thân nhân người có công: Là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi) theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

II. ĐỐI TƯỢNG, MỨC HỖ TRỢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng. Thành viên hộ nghèo (thuộc hộ có thành viên là người có công với cách mạng), bao gồm: Người từ đủ 60 tuổi trở lên; Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng (có giấy xác nhận theo quy định của Luật Người khuyết tật); Người bị các bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ (có giấy xác nhận của cơ sở y tế từ tuyến tỉnh trở lên) không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng đối với người có công, cùng hộ khẩu và là thân nhân với người có công gồm: Cha, mẹ, vợ (chồng), con.

b) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng hoặc có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 5, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và tại khoản 2, điều 18, Luật Người cao tuổi.

2. Mức hỗ trợ:

Trợ cấp hàng tháng: 750.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn, 950.000 đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị (bao gồm các khoản trợ cấp xã hội hàng tháng đang hưởng).

3. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUY TRÌNH, HỒ SƠ, THỦ TỤC

1. Về quy trình

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra nội dung và các thành phần hồ sơ theo quy định; tiếp nhận hồ sơ (01 bộ) từ đối tượng hoặc đại diện hợp pháp của đối tượng.

Bước 2: Tổ chức họp Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội theo quy định tại Chương 6, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Bước 3: Sau khi Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội tổ chức họp xét duyệt và có kết luận.

- Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng thì UBND cấp xã trả lời đối tượng bằng văn bản, nêu rõ lý do và trả lại hồ sơ.

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hưởng thì UBND cấp xã đề nghị bằng văn bản kèm toàn bộ hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) giải quyết chính sách cho đối tượng.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ, kiểm tra, thẩm định cụ thể các thông tin ghi trên hồ sơ và thực tế đối tượng.

Nếu đảm bảo các điều kiện về hồ sơ, xác minh đúng đối tượng thì ban hành Quyết định hỗ trợ về thu nhập hàng tháng cho thành viên hộ nghèo (theo **Mẫu số 03 hoặc 04**).

Bước 5: Thực hiện chi trả và thanh quyết toán.

- Thực hiện chi trả cho đối tượng quy định tại Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với chi trả trợ giúp hàng tháng tại cộng đồng theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Quy trình thực hiện theo Hướng dẫn liên ngành số 111/HD-LĐT BXH-TC-BĐ ngày 13/02/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh.

- Lập danh sách chi trả để theo dõi, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ đối tượng theo Nghị quyết 151/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Việc chi trả cho các đối tượng phải có danh sách ký nhận tiền (theo **Mẫu số 05**), ghi rõ họ và tên, trường hợp ký nhận thay phải có giấy ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật; có xác nhận của UBND cấp xã, Cơ quan chi trả, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thanh, quyết toán theo hàng tháng theo quy định tài chính hiện hành.

2. Về hồ sơ

2.1. Đối với đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Tờ khai đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ về thu nhập theo (**Mẫu số 01**).

- Bản sao sổ hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân.

- Một trong các loại giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng:

+ Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945: Quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 kèm bản sao các giấy tờ làm căn cứ xác nhận hoặc Quyết định trợ cấp, phụ cấp hàng tháng hoặc quyết định trợ cấp một lần.

+ Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945: Quyết định công nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 kèm bản sao các giấy tờ làm căn cứ xác nhận hoặc Quyết định trợ cấp hàng tháng hoặc quyết định trợ cấp một lần.

+ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: Bản sao Quyết định phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc Quyết định phụ cấp hàng tháng và trợ cấp người phục vụ hoặc quyết định trợ cấp một lần.

+ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến: Bản sao Quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng hoặc bản sao Bằng Anh hùng hoặc Quyết định trợ cấp hàng tháng hoặc quyết định trợ cấp một lần.

+ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh: Bản sao giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp thương tật hàng tháng hoặc quyết định trợ cấp thương tật một lần.

+ Bệnh binh: Bản sao giấy chứng nhận bệnh binh hoặc bản sao quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng.

+ Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Bản sao Quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp hàng tháng.

+ Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày: Bản sao quyết định trợ cấp một lần hoặc bản sao Quyết định trợ cấp hàng tháng.

+ Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế: Bản sao một trong các giấy tờ (Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng, Giấy chứng nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện; Bản sao Quyết định trợ cấp một lần).

+ Người có công giúp đỡ các mạng: Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước”, Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Quyết định khen thưởng; Bản sao Quyết định trợ cấp hàng tháng hoặc Quyết định trợ cấp một lần.

Lưu ý: Trường hợp người có công có các thông tin trong hồ sơ bị sai, lệch so với hộ khẩu và chứng minh nhân dân như bị sai lệch về họ, tên, tên đệm, ngày, tháng, năm sinh thì phải thực hiện đính chính thông tin trong hồ sơ người có công theo quy định trước khi đề nghị giải quyết chế độ; đồng thời yêu cầu phải có một trong các giấy tờ gốc mang tính pháp lý chứng minh; trường hợp không có giấy tờ chứng minh được những sai, lệch đó thì chưa có căn cứ để giải quyết chế độ cho đối tượng.

2.2. Đối với đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1, Nghị Quyết 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Tờ khai đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ về thu nhập theo (**Mẫu số 02**).
- Bản sao sổ hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân.

2.3. Đối với các loại hồ sơ, giấy tờ như: Giấy chứng nhận hộ nghèo, Quyết định hưởng trợ giúp hàng tháng ... cấp huyện, cấp xã khai thác từ hồ sơ lưu trữ hiện có, không yêu cầu người dân bổ sung. Yêu cầu nộp hồ sơ theo hộ gia đình để tiện theo dõi, xét duyệt, hỗ trợ.

3. Lập dự toán: Trước ngày 15/7 hàng năm, UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND cấp xã rà soát, lập dự toán nhu cầu đối tượng, kinh phí thực hiện Nghị Quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm kế tiếp gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND xem xét, bố trí kinh phí thực hiện.

4. Thời gian thực hiện chính sách: Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về thu nhập từ ngày 01/10/2019.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Thực hiện đảm bảo các nội dung thuộc trách nhiệm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại mục 5, phần IV, Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị Quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Giao trách nhiệm cho phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ, xác minh đối tượng, tham mưu quyết định hỗ trợ về thu nhập cho các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong dự toán chi ngân sách hàng năm.

- Chỉ đạo UBND cấp xã quản lý, theo dõi, xác nhận và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện và trước pháp luật về đối tượng thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Báo cáo quyết toán, kết quả chi trả hàng tháng, hàng năm theo đúng quy định (theo mẫu).

2. Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh

- Đề nghị Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh chỉ đạo Bưu điện cấp huyện tiếp tục thực hiện tốt chính sách trợ giúp hàng tháng tại cộng đồng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ và chi trả cho các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Chỉ đạo thực hiện chi trả, thanh quyết toán; chế độ thông tin, báo cáo theo đúng quy định tại Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh và Hướng dẫn liên ngành số 111/HD-LĐTĐ-BHXH-TC-BĐ ngày 13/02/2017 hướng dẫn liên ngành của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến các thôn, bản, tổ dân phố để tất cả Nhân dân được biết và phối hợp thực hiện.

- Quản lý và theo dõi các đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh trên địa bàn, kịp thời làm thủ tục xét duyệt đề nghị UBND cấp huyện giải quyết chế độ các đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ; đề nghị cắt giảm khi đối tượng di chuyển, chết hoặc không đủ điều kiện hưởng chế độ; danh sách tăng, giảm báo cáo Phòng Lao động - Thương binh

và Xã hội cấp huyện kịp thời trước ngày 05 hàng tháng để kịp thời cung cấp danh sách đối tượng hưởng chế độ cho Bưu điện cấp huyện để thực hiện chi trả.

- Xác nhận, trực tiếp thu nhận hồ sơ đề nghị của đối tượng, tổ chức xét duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Tổng hợp danh sách đối tượng, lập dự toán hàng năm gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày hàng năm tổng hợp báo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 10/7 hàng năm.

- Phối hợp với cơ quan Bưu điện theo dõi và giám sát việc chi trả hỗ trợ về thu nhập cho đối tượng.

Trên đây, là Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh về bổ sung một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Lao động – TBXH để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành;
- Giám đốc, PGĐ phụ trách;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Các Phòng Lao động - TBXH;
- Lưu: VT, Ph. BTXH-TE-BĐG.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Thông